

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06 / 02/2023

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ T gồm có:

T phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội T nhân dân:

1. Ông La Thanh Long

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ T công khai vụ án thụ lý số: 265/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu vực 1, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hoàng Tr, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu vực 1, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang

Nguyên đơn chị T có mặt, bị đơn anh Tr vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Hoàng Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang vào năm 2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Tr thường xuyên rượu chè và có tính gia trưởng, thường xuyên bắt nạt

chị. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với Phạm Hoàng Tr.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung, tên Phạm Kiều T1, sinh ngày 27/4/2005 (giới tính: Nữ) và Phạm Hoàng T2, sinh ngày 10/6/2014. Khi ly hôn, nếu con có nguyện vọng muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng; không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Phạm Hoàng Tr trình bày:* Anh và chị Bùi Thị T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật từ năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc; tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Nay anh còn thương vợ con, nên không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng được hàn gắn với nhau.

Về con chung: Có 02 con chung, tên Phạm Kiều T1, sinh ngày 27/4/2005 (giới tính: Nữ) và Phạm Hoàng T2, sinh ngày 10/6/2014. Nếu phải ly hôn, thì con có nguyện vọng muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

- Về ý kiến của con chung cháu Phạm Kiều T1 và Phạm Hoàng T2: Hai cháu đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ, khi cha mẹ ly hôn.

- Tại phiên tòa sơ T: Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Tr vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị T khởi kiện anh Phạm Hoàng Tr có địa chỉ cư trú tại khu vực 1, phường IV, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Tr ly hôn, nuôi con nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, nuôi con” thuộc T quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Tr được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật tại **Điều 228** của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Hoàng Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2005 đúng theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh Tr có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị T cho rằng do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi; còn anh Tr cho rằng, chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, anh còn thương vợ con nên không muốn ly

hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng của chị T và anh Tr nhưng không thành; tại phiên tòa, chị T kiên quyết ly hôn và anh Tr vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của chị T và anh Tr không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn hạnh phúc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T ly hôn với anh Tr là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung, tên Phạm Kiều T1, (giới tính: Nữ) sinh ngày 27/4/2005 và Phạm Hoàng T2, (giới tính: Nam) sinh ngày 10/6/2014. Hiện nay, cả 02 con đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ và chị T đồng ý nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con; anh Tr đồng ý con theo ai thì người đó nuôi. Nên Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Tr không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị An.

[3] Án phí dân sự sơ T: Nguyên đơn chị T phải chịu 300.000đồng, được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0001747** ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V thành án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản **1 Điều 228**, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T ly hôn với anh Phạm Hoàng Tr.

2. Về con chung: Giao 02 con chung, tên Phạm Kiều T1, sinh ngày 27/4/2005 (giới tính: Nữ) và Phạm Hoàng T2, (giới tính: Nam) sinh ngày 10/6/2014 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Phạm Hoàng Tr không ai

được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: **Không có.**

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ T: Nguyên đơn chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0001747** ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V thành án phí.

6. Nguyên đơn chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phạm Hoàng Tr vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp V;
- Cơ quan THADS Tp V;
- UBND phường IV, Tp V;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Phương